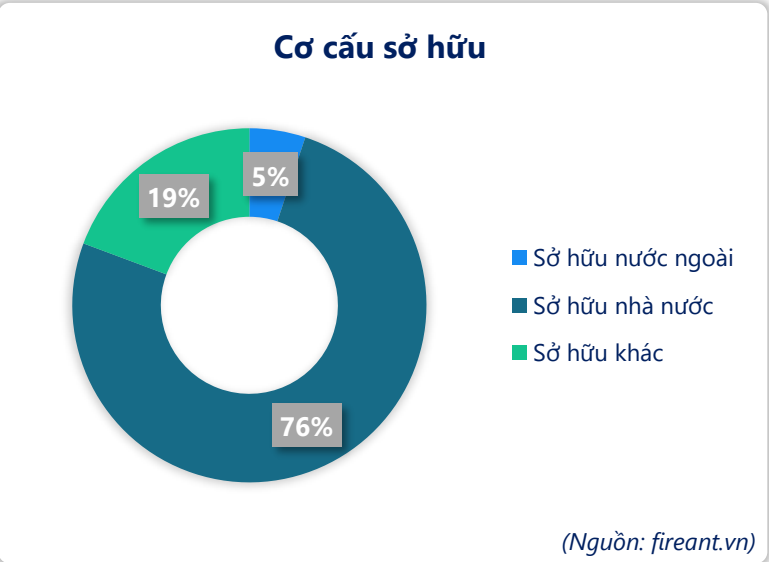
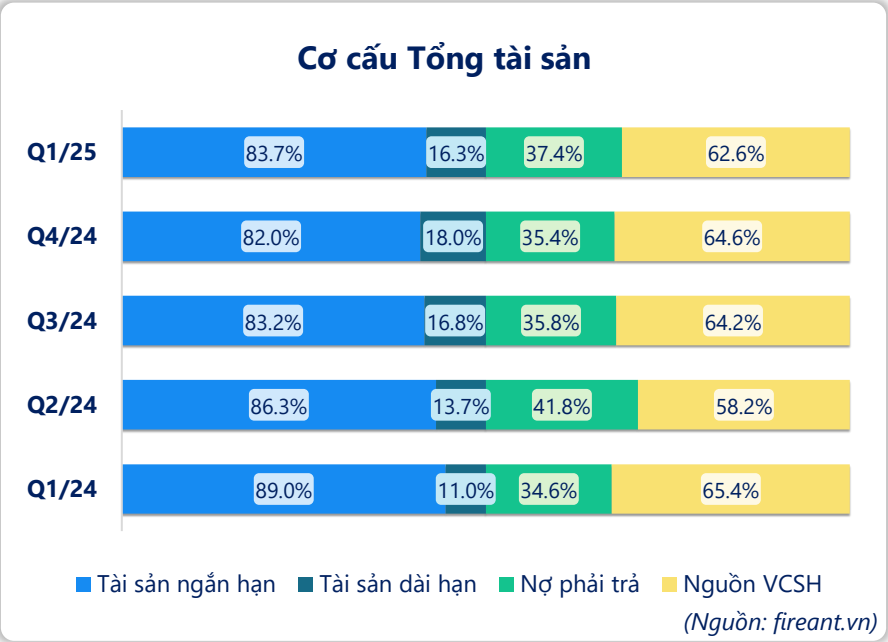
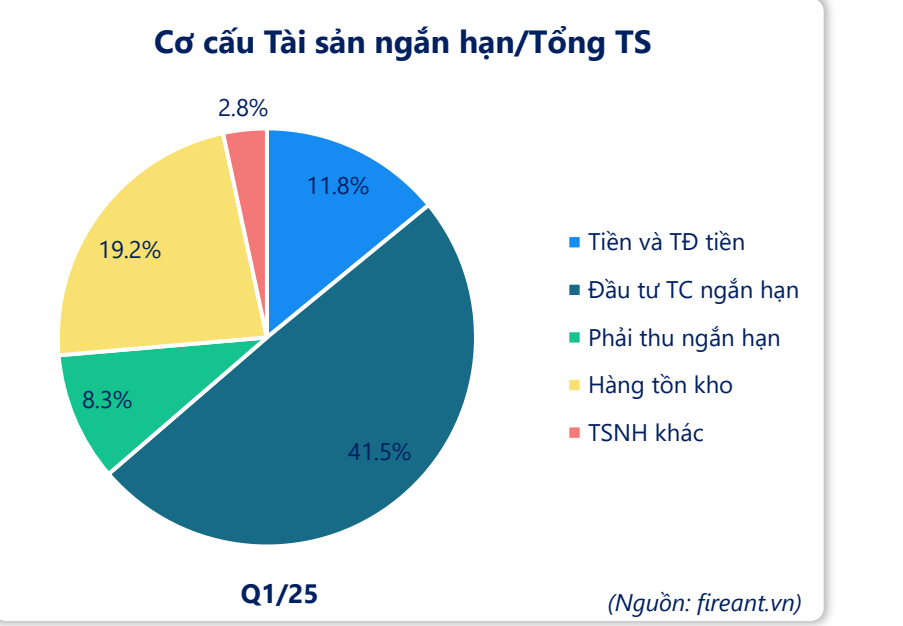
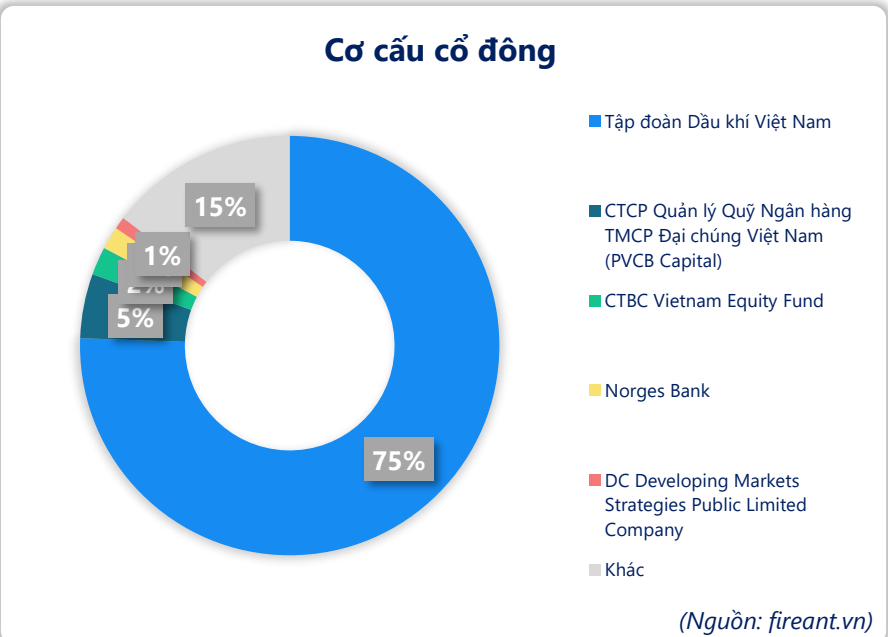
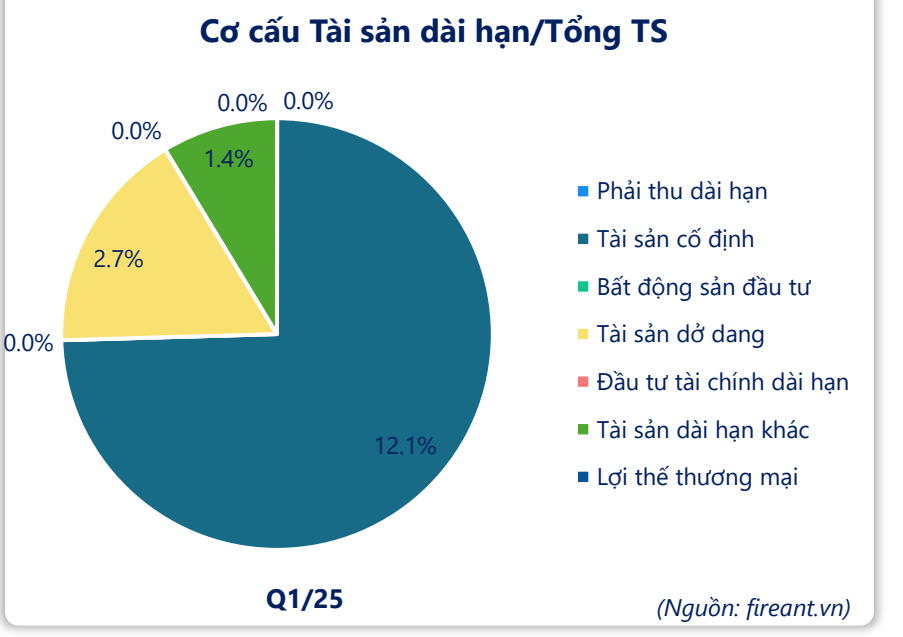
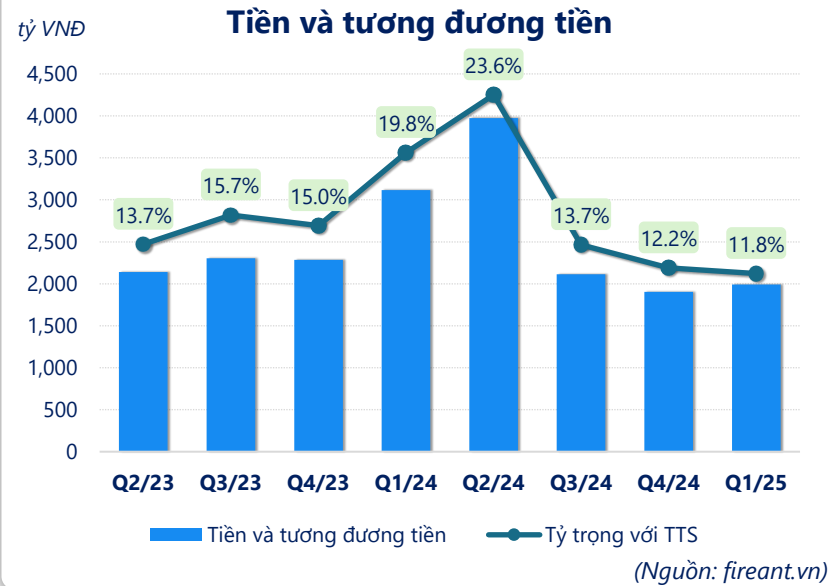
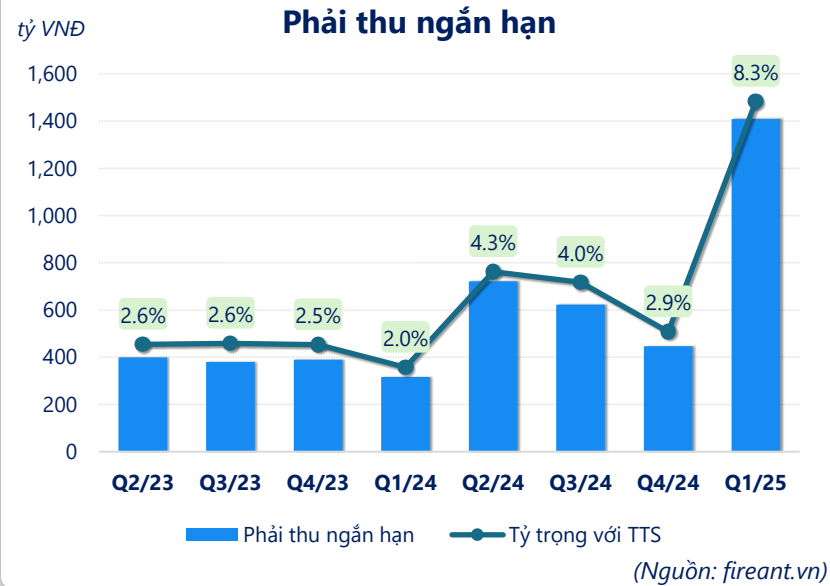
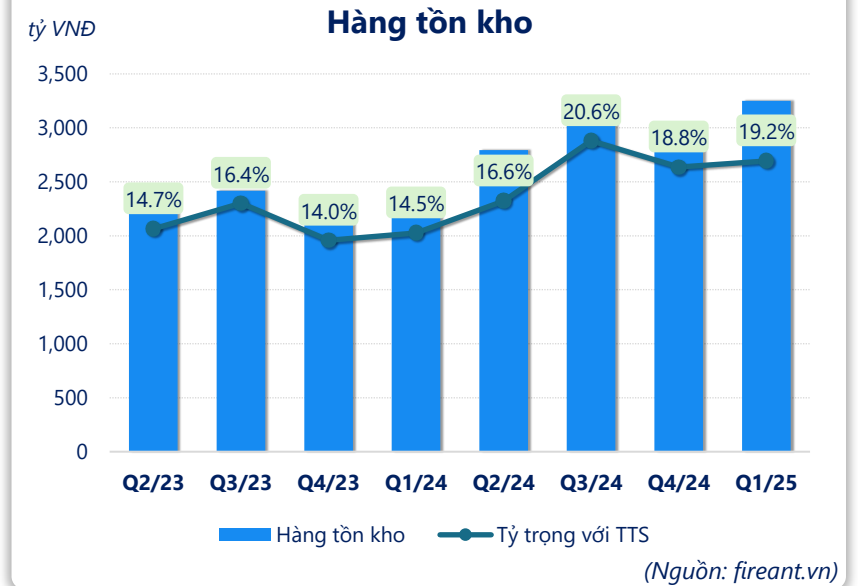
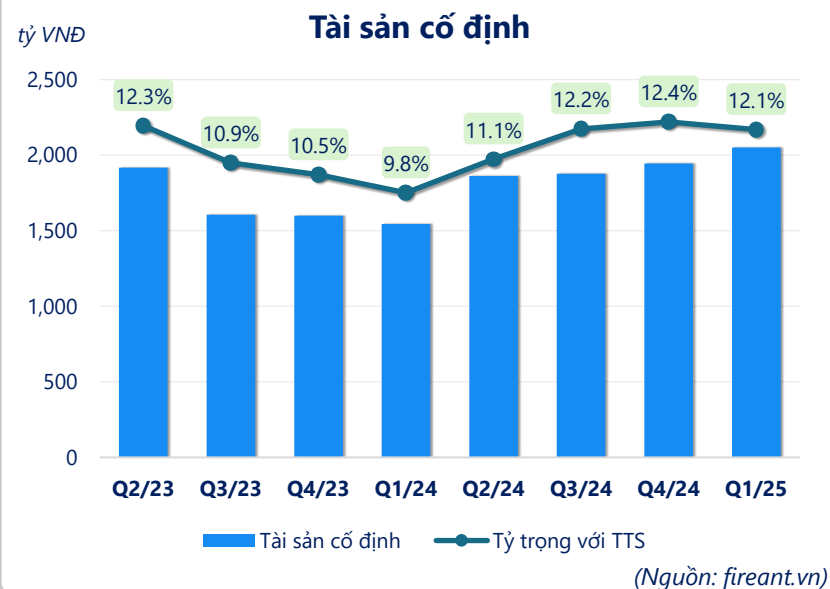
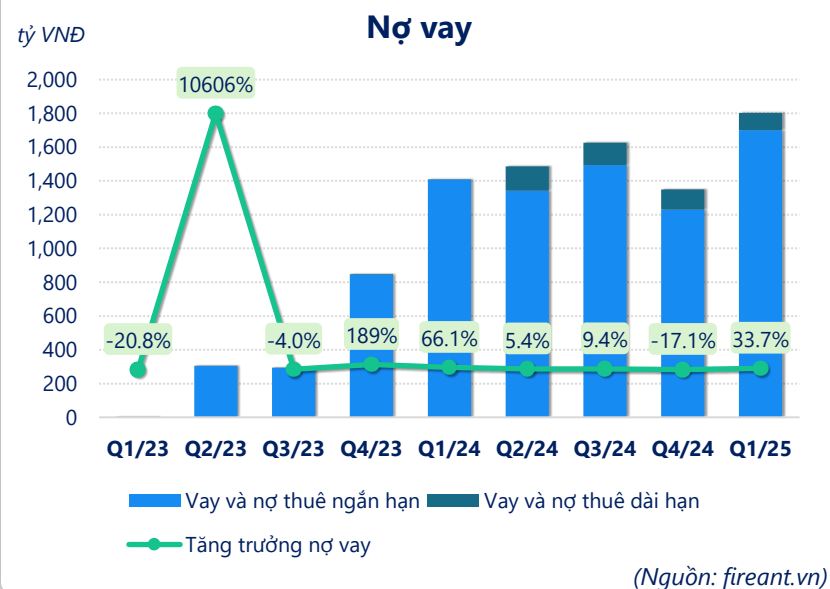
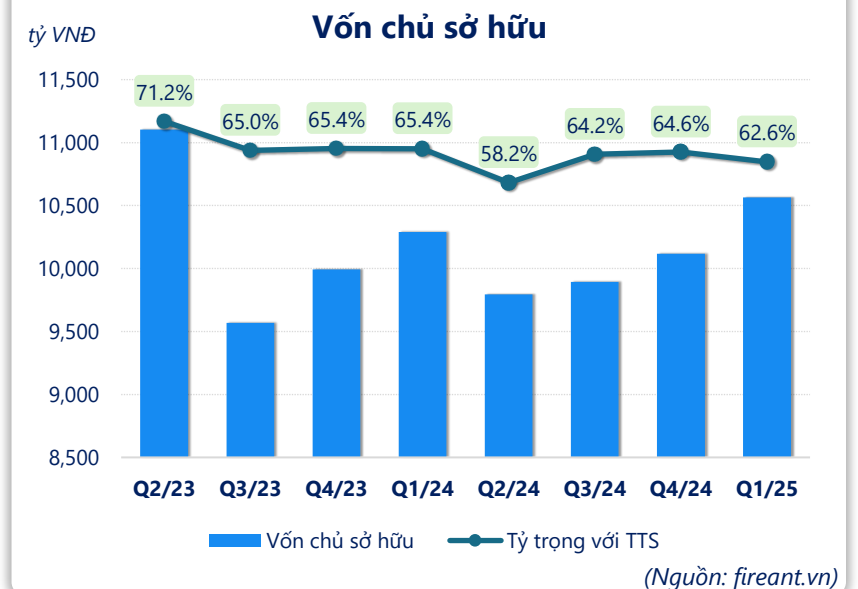
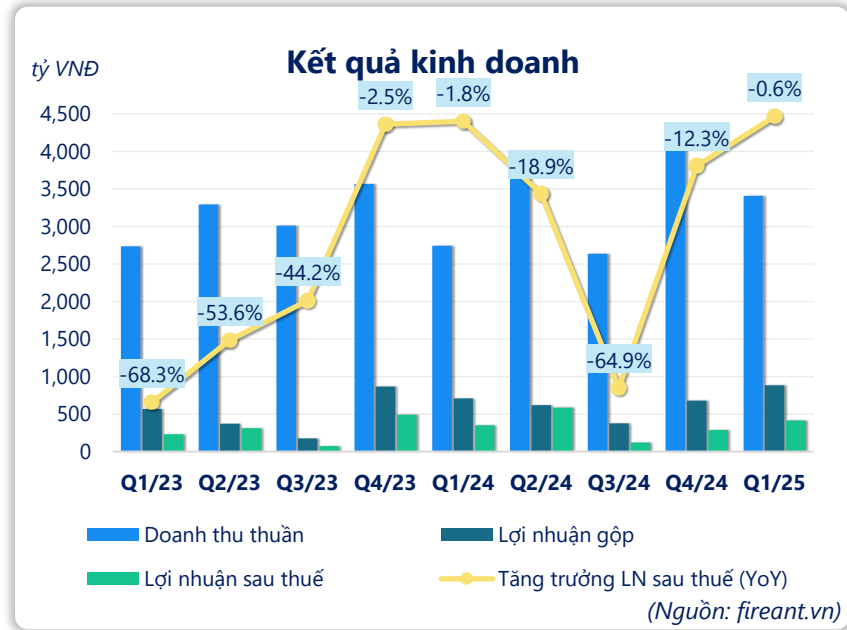
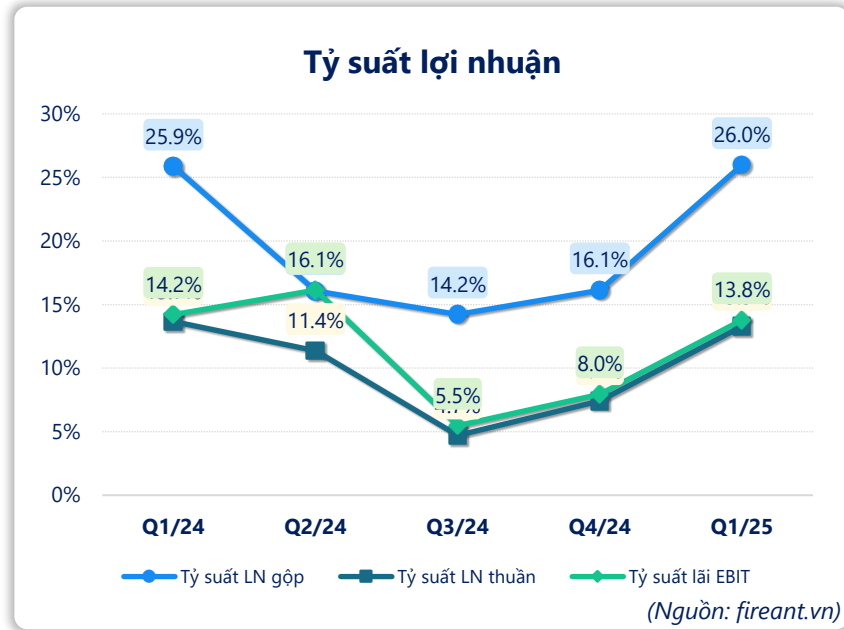
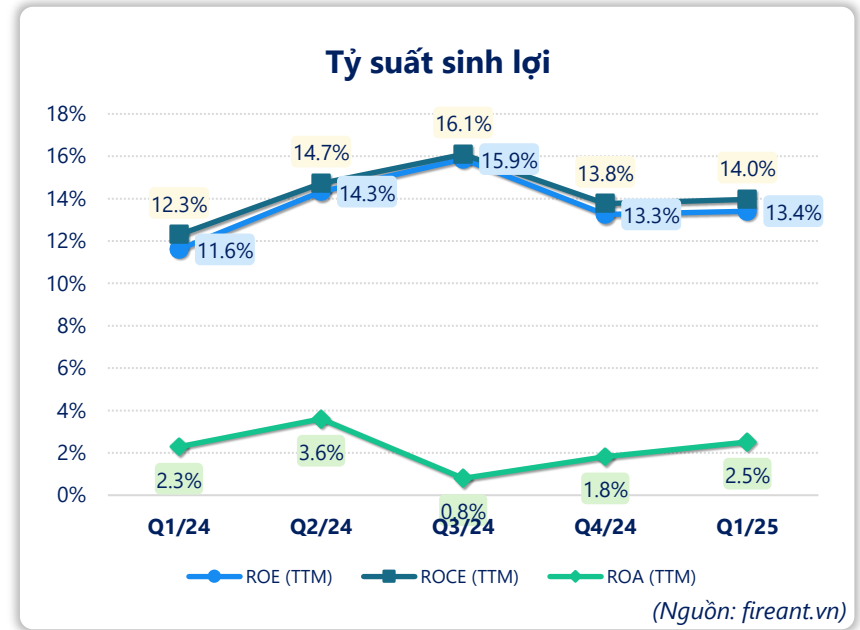
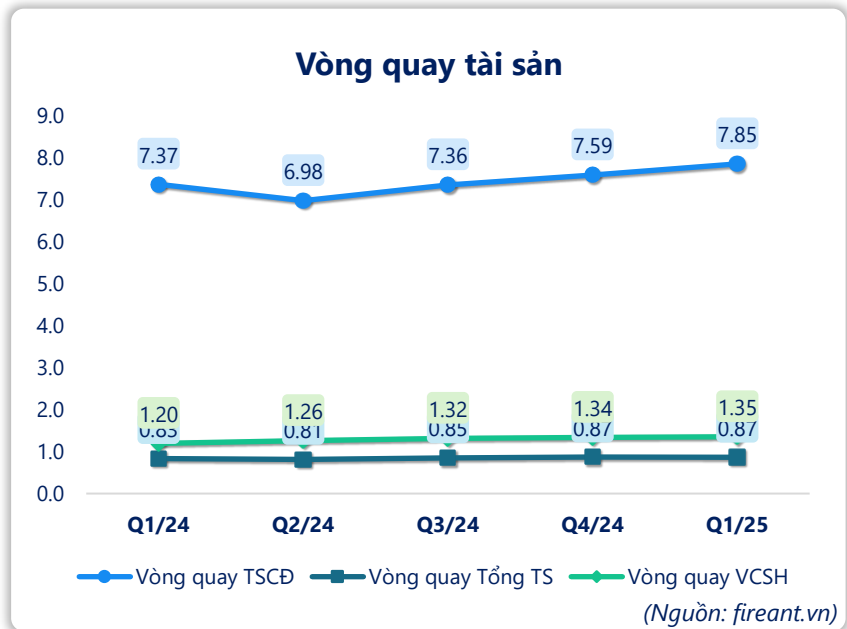
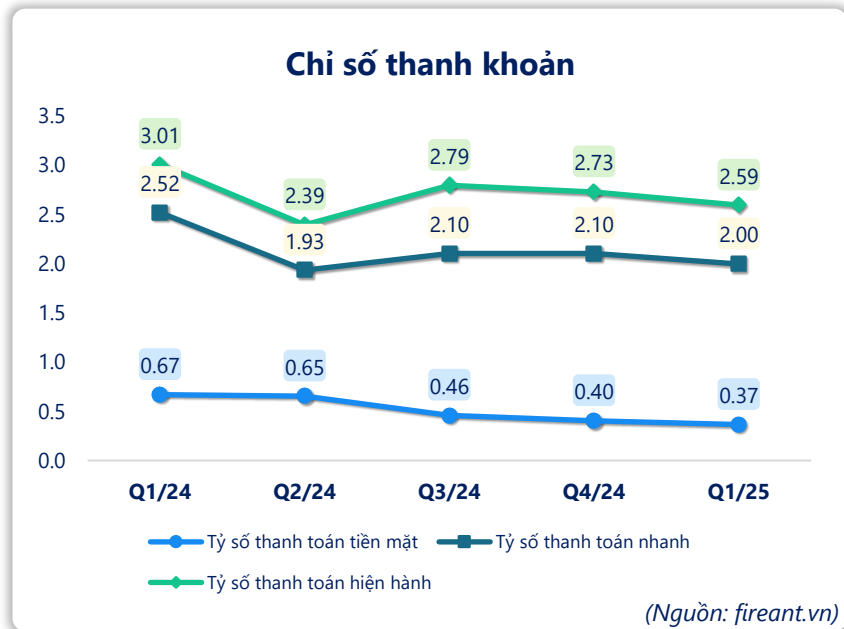
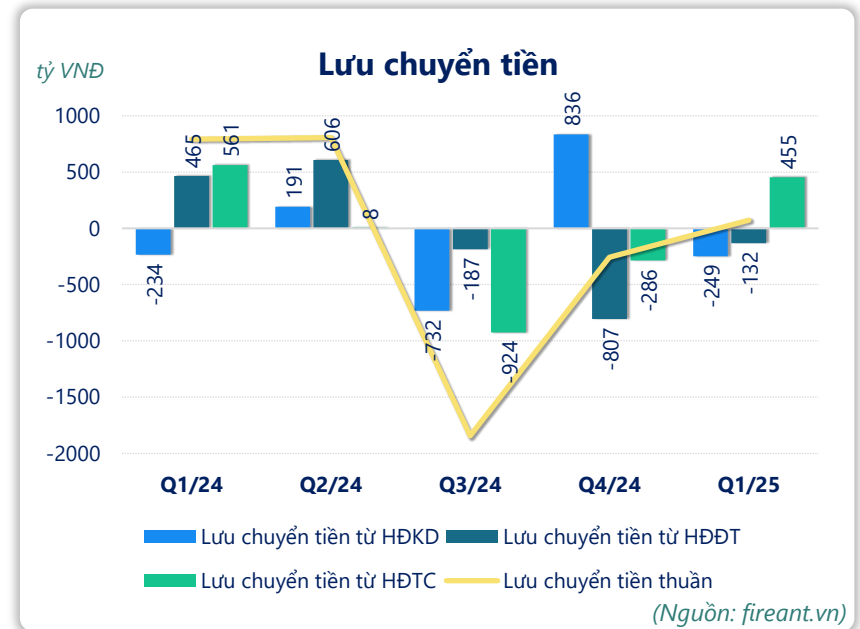


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		33,050
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		40,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		28,566
SL cổ phiếu LH		529,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,822,090
% sở hữu nước ngoài		5.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		17,497
P/E		12.5
EPS		2,642

	YTD	1T	3T	6T
DCM	-7.3%	-6.5%	-9.1%	-13.6%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	16,887	15,729	7.4%
Tài sản ngắn hạn	14,135	12,921	9.4%
Tiền và tương đương tiền	1,991	1,903	4.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7,009	7,039	-0.4%
Phải thu ngắn hạn	1,409	529	167%
Hàng tồn kho	3,250	2,950	10.2%
Tài sản ngắn hạn khác	476	500	-4.7%
Tài sản dài hạn	2,752	2,808	-2.0%
Phải thu dài hạn	0.51	0.51	0.0%
Tài sản cố định	2,051	1,946	5.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	462	601	-23.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	238	260	-8.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	6,323	5,552	13.9%
Nợ ngắn hạn	5,453	4,681	16.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,700	1,229	38.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,511	1,612	-6.2%
Nợ dài hạn	870	871	-0.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	103	120	-13.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	10,565	10,177	3.8%
Vốn chủ sở hữu	10,565	10,177	3.8%
Vốn điều lệ	5,294	5,294	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	2,744	3,863	2,634	4,214	3,407
Giá vốn hàng bán	2,034	3,243	2,260	3,534	2,522
Lợi nhuận gộp	710	621	375	680	885
Doanh thu HĐTC	132	94.1	39.1	119	97.0
Chi phí TC	14.0	23.5	13.9	25.2	19.0
Chi phí lãi vay	7.24	8.90	12.7	15.4	15.5
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	337	119	186	371	339
Chi phí QLDN	115	134	90.6	90.4	172
LN thuần từ HĐKD	375	439	124	312	452
Lợi nhuận khác	7.63	176	7.61	7.55	1.90
LN trước thuế	383	615	132	320	454
Lợi nhuận sau thuế	350	586	121	286	412
LNST của CĐ cty mẹ	346	584	120	282	411

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-234	191	-732	836	-249
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	465	606	-187	-807	-132
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	561	8.41	-924	-286	455
Tiền đầu kỳ	2,284	3,117	3,975	2,112	1,903
Lưu chuyển tiền thuần	793	806	-1,843	-258	73.2
Ảnh hưởng tỷ giá	39.6	52.4	-32.3	49.3	14.4
Tiền cuối kỳ	3,117	3,975	2,112	1,903	1,991

(Nguồn: fireant.vn)